SỞ Y TẾ BÌNH DƯƠNG
**CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bình Dương, ngày 15 tháng 06 năm 2021*

# GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
# Số: 60/2021/ĐKSP

**Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Dương** xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Đơn vị: **Công ty TNHH VP F&B**

Địa chỉ: 30/10 đường Hoàng Hoa Thám, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Việt Nam

Điện thoại: 983722179

Cho sản phẩm: **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG DÀNH CHO PHỤ NỮ ĐANG MANG THAI VÀ CHO CON BÚ IMPERIAL MOM XO GT**

Công ty sản xuất và địa chỉ sản xuất: Namyang Dairy Products Co.,Ltd
Nhà máy Sejong Factory
836-11 Janggi-ro, Janggun-myeon, Sejong-city, Hàn Quốc

**Sản xuất phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật:**

- QCVN 8 – 1: 2011/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8 – 2: 2011/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8 – 3: 2012/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Thông tư số 43/2014/TT-BYT: quản lý thực phẩm chức năng.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

***Nơi nhận:***
- Doanh nghiệp;
- Lưu ĐK;

**CHI CỤC TRƯỞNG**

SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

**Nguyễn Văn Đạt**

**CÔNG TY TNHH VP F&B**

# BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

## SỐ: 06-XOMOM/VPF&B/2021

## SẢN PHẨM DINH DƯỠNG
## DÀNH CHO PHỤ NỮ ĐANG MANG THAI
## VÀ CHO CON BÚ
## IMPERIAL MOM XO GT

**2021**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---

# BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

**Số: 06-XOMOM/VPF&B/2021**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty TNHH VP F&B**

Địa chỉ: 30/10 Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0983722179

Mã số doanh nghiệp: 3702934334

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm:** Sản phẩm dinh dưỡng dành cho phụ nữ đang mang thai và cho con bú
Imperial Mom XO GT

**2. Thành phần:**

Bột Whey (sữa), Dextrin, Hỗn hợp sữa bột tách béo (bột sữa tách béo, bột whey), bột Sữa nguyên chất, Hỗn hợp các loại dầu [dầu đậu nành (đậu nành), dầu cọ olein, dầu hạt cọ, d-tocopherol], Đạm Whey tổng hợp, Nanocalcium, Lactose, Kali phosphate dibasic, Canxi carbonate, Fructo-oligosaccharide, Vitamin Premix ND INF-P/01(vitamin C, dextrin, nicotinic acid amide, vitamin B12, canxi pantothenate, vitamin B2, vitamin B1, vitamin B6, axit folic, biotin), Ma-giê hydroxide, Canxi phosphate tribasic, CPP(đạm sữa thủy phân), Kali phosphate monobasic, Canxi phosphate monobasic, Xơ rau riếp xoăn, Natri chloride, Natri citrate, α-lactalbumin, Lecithin(bột lòng đỏ trứng), Lecithin (đậu nành), Glycerin esters của các axit béo, Ferric phosphate, NDA-12(dầu cá ngừ, trứng), Taurine, Choline chloride, L-cystine, L-Theanine, Vitamin Premix ND INF O/01(vitamin E, dầu đậu nành, vitamin A, vitamin D3, β-carotene, vitamin K1), Axit Arachidonic, Kẽm oxide, L-carnitine, Axit 5'-Cytidylic, Disodium 5'-uridylate, Lactoferrin tổng hợp, Axit 5'-Adenylic, Disodium 5'-inosinate, Disodium 5'-guanylate, Axit Folic, Kali iodide.

Có chứa Sữa, Đậu nành, Trứng, Dầu cá ngừ.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng: xem dưới đáy sản phẩm

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Quy cách: khối lượng tịnh: 400 g/1 hộp, 800 g/1 hộp
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm chứa trong bao bì hợp kim sắt nhôm, ghép kín, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định Bộ Y tế

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:** - Xuất xứ: Hàn Quốc

Đơn vị sản xuất: Namyang Dairy Products Co., Ltd.
Nhà máy Sejong Factory
Địa chỉ: 836-11 Janggi-ro, Janggun-myeon, Sejong-city, Hàn Quốc

**III. Mẫu nhãn sản phẩm**

Xem nội dung nhãn sản phẩm đính kèm

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Thông tư số 43/2014/TT-BYT: quản lý thực phẩm chức năng.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2021*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

CÔNG TY TNHH VP F&B

**Nguyễn Thị Thu Thanh**

C, M, Y, K, Gold, P445C

**A.V.M.H System** 첨단 무인 자동화 A.V.M.H 시스템을 통하여 원료의 계량과 배합이 자동으로 정확하고 청결하게 작업되도록 공정관리를 철저히 하였습니다.

**Green Security** 임부와 유기농 인증을 최우선으로 – 남양은 모든 제품의 원료에 엄격한 안전성 검사를 실시, 엄선된 재료만 원료로 사용합니다.

**Worldwide Quality** 첨단 설비와 정밀공정관리를 바탕으로 국내 임산부 수유부 영양의 메카로 중 처음으로 국제적 분석능력을 인정받은 남양유업 종합연구소가 함께 - 검증하였습니다.

| | | | |
|---|---|---|---|
| Energy | 433Kcal | Taurine | 58mg |
| Carbohydrate | 65g | Calcium | 758mg |
| Protein | 14g | Phosphorus | 625mg |
| Fat | 13g | Magnesium | 208mg |
| Ash | 5g | Potassium | 1000mg |
| Sodium | 200mg | Chloride | 458mg |
| Vitamin A | 980μgRE | Iron | 18mg |
| Vitamin $B_1$ | 1.7mg | Zinc | 11mg |
| Vitamin $B_2$ | 2.2mg | Iodine | 99μg |
| Vitamin $B_6$ | 2.2mg | Choline | 50mg |
| Vitamin $B_{12}$ | 2.5μg | Linoleic acid | 1.2g |
| Vitamin C | 100mg | Arachidonic acid | 13mg |
| Vitamin D | 9.8μg | DHA | 18mg |
| Vitamin E | 5.8mgα-TE | Nucleotides | 15mg |
| Vitamin K | 35μg | Lactoferrin | 50mg |
| Pantothenic acid | 7mg | α-Linolenic acid | 120mg |
| Niacin | 17mgNE | Fructo-oligosaccharide | 550mg |
| Biotin | 35μg | Phosphatidylserine | 1mg |
| Folic acid | 728μg | Casein Phosphopeptide | 80mg |
| β-carotene | 116μg | Dietary fiber | 300mg |

Manufactured by Namyang DAIRY PRODUCTS CO.,LTD

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH BÌNH DƯƠNG

Namyang

GOOD TASTE GT

MADE IN KOREA

100% Quality Guaranteed

# 임페리얼 맘 XO

IMPERIAL WORLD CLASS

**Nutritional supplement**

for Pregnant & Breast-feeding Women

남양 「임페리얼 맘 XO GT」는 임신중 태아의 발육과 수유기동안 산모의 건강회복 및 모유생산 개선에 도움을 주는 영양보충식입니다.

기타/곡물 400 g

**맛있는 분유 GT(Good Taste)**

맛있는 분유 GT는 목장에서 갓 짜낸 우유를 사용하여 만든 분유로 우유의 참맛을 느낄 수 있으며, 질소 충전공법을 사용하여 풍부한 영양, 신선한 맛과 향을 선사합니다.

**남양부의 손길은 여기서 건강과 직결되는 원료 입수 우유에서 멈추지 않고 생산에 이르는 모든 과정에 - 남양 임페리얼 맘 XO GT」**

**엄** 마뱃속에 있는 엄달동안이 아기에게 얼마나 중요한지 잘 아시죠?
좋은 태내환경이 건강한 아기를 만듭니다. 즐거운 마음가짐으로 태교에 임하고 엄마가 충분한 영양을 섭취하여 아기의 정상적인 성장발육을 도와주십시오.

**출** 산후에는 분만의 고통으로 엄마의 체력이 저하된 상태입니다.
산후조리기간에는 휴식을 취하면서 충분한 영양을 섭취해야만 회복이 빠릅니다.
모유수유중이라면 엄마의 영양은 대단 중요해집니다.

남양 「임페리얼 맘 XO GT」는 모유의 질 개선에 도움이 되는 영양보충식입니다.

**빈혈 예방** · 임신으로 인해 자칫 영양이 부족하기 쉬운 임신기와 충분한 영양이 필요한 수유기를 위해 철분을 우유의 약 20배로 보강하여 빈혈발생을 감소시키고자 하였습니다.

**면역력 강화** · 항부로 약을 먹을 수 없는 임신기, 뛰거운 출산의 고통을 겪어 면역력이 저하된 산모를 위해 면역기능 활성을 돕는 뉴클레오타이드와 항산화효과가 있는 베타카로틴을 배합하였습니다.

**변비 개선** · 임산부에게 흔히 생기기 쉬운 변비의 예방과 개선에 도움을 주는 식이섬유를 배합하였습니다.
· 장에 유익한 비피더스균의 성장을 촉진하고 유해미생물 이동성이 낮은 프락토올리고당을 배합하였습니다.

**골격 발달** · 태아의 골격 발달 및 출산 후 약해진 산모의 뼈 건강을 위해 칼슘을 배합하였습니다.
· 칼슘흡수를 도와주는 카제인포스포펩타이드, 비타민D3를 배합하였습니다.

**주요 이태발달 보강** · 산후 유즙분비 촉진 및 부종을 억제할 수 있는 성분인 요오드를 배합하였습니다.
· 태아의 신경관 결함 위험을 감소시키는 엽산을 보강하였습니다.

M.S.D.N:3702934333 CÔNG TY TNHH VPF

*Imperial Mom*

# XO MOM

Sản phẩm dinh dưỡng

dành cho phụ nữ đang mang thai và cho con bú

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN:

**Công dụng:** Imperial Mom XO GT là sản phẩm đặc chế cung cấp dinh dưỡng cần thiết cho bà mẹ mang thai và cho con bú.

**Đối tượng sử dụng:** Dành cho phụ nữ mang thai và cho con bú

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:** * **Cách dùng:** 1 thìa = 5,6 g

| Số lượng (cho một lần dùng) | | | Số lần dùng/ngày |
|---|---|---|---|
| XO MOM (g) | Số lượng thìa | Lượng sản phẩm sau pha (ml) | |
| 28 | 5 | 180 | 3 |

*** Cách pha**

**1.** Dùng nước đã đun sôi và để nguội khoảng 50 độ C để pha sản phẩm.

**2.** Cho khoảng 2/3 lượng nước cần dùng vào cốc (ly)

**3.** Sử dụng thìa (muỗng) có sẵn trong lon để lấy sản phẩm, dùng thanh gạt ngang để lường sản phẩm.

**4.** Cho đủ lượng sản phẩm vào cốc (ly) rồi khuấy đều cho đến khi sản phẩm tan hoàn toàn.

**5.** Cho thêm 1/3 lượng nước ấm còn lại vào cốc (ly), khuấy đều và sử dụng.

*** Lưu ý khi sử dụng:**

*- Hãy sử dụng trong vòng 20 ngày kể từ ngày mở nắp.*

*- Đóng nắp cẩn thận sau mỗi lần sử dụng tránh các loại côn trùng xâm nhập vào sản phẩm. Bảo quản sản phẩm ở nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào sản phẩm và không bảo quản ở trong tủ lạnh.*

*- Chỉ dùng thìa (muỗng) có sẵn trong lon và bảo quản sạch sẽ, riêng biệt.*

*- Mở nắp bằng cách hướng tay cầm lên phía trên, kéo lên và bỏ vứt bỏ ngay nắp thiếc vừa mở. Cẩn thận để không bị thương bởi cạnh sắc của nắp.*

*** Bảo quản:**

- Chỉ sử dụng sản phẩm trong vòng 20 ngày kể từ ngày mở nắp. Đóng nắp cẩn thận tránh các loại côn trùng xâm nhập vào sản phẩm.
- Bảo quản sản phẩm ở nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào sản phẩm và không bảo quản ở trong tủ lạnh.
- Chỉ dùng thìa (muỗng) có trong lon và bảo quản sạch sẽ ở nơi riêng biệt.

## THỜI HẠN SỬ DỤNG:

**Thời hạn sử dụng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**NSX (MFD) / HSD (EXD):** Năm/Tháng/Ngày: xem ở đáy hộp.

## THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Bột Whey (sữa), Dextrin, Hỗn hợp sữa bột tách béo (bột sữa tách béo, bột whey), bột Sữa nguyên chất, Hỗn hợp các loại dầu [dầu đậu nành (đậu nành), dầu cọ olein, dầu hạt cọ, d-tocopherol], Đạm Whey tổng hợp, Nanocalcium, Lactose, Kali phosphate dibasic, Canxi carbonate, Fructo-oligosaccharide, Vitamin Premix ND INF-P/01(vitamin C, dextrin, nicotinic acid amide, vitamin B12, canxi pantothenate, vitamin B2, vitamin B1, vitamin B6, axit folic, biotin), Ma-giê hydroxide, Canxi phosphate tribasic, CPP(đạm sữa thủy phân), Kali phosphate monobasic, Canxi phosphate monobasic, Xơ rau riếp xoăn, Natri chloride, Natri citrate, α-lactalbumin, Lecithin(bột lòng đỏ trứng), Lecithin (đậu nành), Glycerin esters của các axit béo, Ferric phosphate, NDA-12(dầu cá ngừ, trứng), Taurine, Choline chloride, L-cystine, L-Theanine, Vitamin Premix ND INF O/01(vitamin E, dầu đậu nành, vitamin A, vitamin D3, β-carotene, vitamin K1), Axit Arachidonic, Kẽm oxide, L-carnitine, Axit 5'-Cytidylic, Disodium 5'-uridylate, Lactoferrin tổng hợp, Axit 5'-Adenylic, Disodium 5'-inosinate, Disodium 5'-guanylate, Axit Folic, Kali iodide.

Có chứa Sữa, Đậu nành, Trứng, Dầu cá ngừ.

## CHẤT LIỆU BAO BÌ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

**Chất liệu bao bì:** Đóng gói trong hộp hợp kim sắt nhôm phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

**Khối lượng tịnh:** 400 g

## XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

**Số CBSP:** 06-XOMOM/VPF&B/2021 Xuất xứ: Hàn Quốc

**Sản xuất tại:** Namyang Dairy Products Co., Ltd.
Nhà máy Sejong Factory

**Địa chỉ:** 836-11 Janggi-ro, Janggun-myeon, Sejong-city, Hàn Quốc

**Công ty nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:**
Công ty TNHH VP F&B

**Địa chỉ:** 30/10 Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**HOTLINE: 1900 7169**

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH BÌNH DƯƠNG

C, M, Y, K, Gold, P445C

## A.V.M.H System

A.V.M.H 시스템은 ...

| | | | |
|---|---|---|---|
| Energy | 432 Kcal | Taurine | 50 mg |
| Carbohydrate | 65 g | Calcium | 750 mg |
| Protein | 34 g | Phosphorus | 625 mg |
| Fat | 13 g | Magnesium | 200 mg |
| Ash | 5 g | Potassium | 1000 mg |
| Sodium | 280 mg | Chloride | 450 mg |
| Vitamin A | 980 μgRE | Iron | 18 mg |
| Vitamin $B_1$ | 1.7 mg | Zinc | 10 mg |
| Vitamin $B_2$ | 2.2 mg | Iodine | 50 μg |
| Vitamin $B_6$ | 2.2 mg | Choline | 50 mg |
| Vitamin $B_{12}$ | 2.5 μg | Linoleic acid | 3.2 g |
| Vitamin C | 100 mg | Arachidonic acid | 10 mg |
| Vitamin D | 9.0 μg | DHA | 10 mg |
| Vitamin E | 5.0 mgα-TE | Nucleotides | 15 mg |
| Vitamin $K_1$ | 35 μg | Lactoferrin | 50 mg |
| Pantothenic acid | 7 mg | α-Linolenic acid | 120 mg |
| Niacin | 17 mgNE | Fructo-oligosaccharide | 550 mg |
| Biotin | 35 μg | Phosphatidylserine | 1 mg |
| Folic acid | 750 μg | Casein Phospho Peptide | 80 mg |
| β-carotene | 110 μg | Dietary fiber | 100 mg |

Manufactured by Namyang DAIRY PRODUCTS CO., LTD.

Namyang

GT GOOD TASTE

# 임페리얼 맘 XO

IMPERIAL WORLD CLASS

MADE IN KOREA

100% Quality Guarantee

## Nutritional supplement

for Pregnant & Breast-feeding Women

남양「임페리얼 맘 XO GT」는 임신중 태아의 발육과 수유기동안 산모의 건강회복 및 모유성분 개선에 도움을 주는 영양보충식입니다.

기타가공품
800 g

첨단 GMP(독일)첨단 분유 살균 및 건조 설비시스템 신규도입
용해도를 극대화 시킨 건조과립화법 AA(Advanced Agglomeration)방식 : 용해도를 높여 섭취하기 쉽습니다.

맛있는 분유 GT(Good Taste)

맛있는 분유 GT는 목장에서 갓 짜낸 우유를 사용하여 만든 분유로 우유의 참맛을 느낄 수 있으며, 질소 충전공법을 사용하여 풍부한 영양, 신선한 맛과 향을 선사합니다.

남양 「임페리얼 맘 XO GT」

**엄** 마뱃속에 있는 열달동안이 아기에게 얼마나 중요한지 잘 아시죠? 좋은 태내환경이 건강한 아기를 만듭니다. 즐거운 마음가짐으로 태교에 임하고 엄마가 충분한 영양을 섭취하여 아기의 정상적인 성장발육을 도와주십시오.

**출** 산후에는 분만의 고통으로 엄마의 체력이 저하된 상태입니다. 산후조리기간에는 휴식을 취하면서 충분한 영양을 섭취해야만 회복이 빠릅니다. 모유수유중이라면 엄마의 영양은 더욱 중요해집니다.

남양 「임페리얼 맘 XO GT」는 모유의 질 개선에 도움이 되는 영양보충식입니다.

**빈혈 예방** • 입덧으로 인해 자칫 영양이 부족하기 쉬운 임신기와 충분한 영양이 필요한 수유기를 위해 철분을 우유의 약 20배로 보강하여 빈혈발생을 감소시키고자 하였습니다.

**면역력 강화** • 함부로 약을 먹을 수 없는 임신기, 힘겨운 출산의 고통을 겪어 면역력이 저하된 산모를 위해 면역기능 활성을 돕는 뉴클레오타이드와 항산화효과가 있는 베타카로틴을 배합하였습니다.

**변비 개선** • 임신부에게 흔히 생기기 쉬운 변비의 예방과 개선에 도움을 주는 식이섬유를 배합하였습니다.
• 장에 유익한 비피더스균의 성장을 촉진하고 유해미생물 이용성이 낮은 프락토올리고당을 배합하였습니다.

**골격 발달** • 태아의 골격 발달 및 출산 후 약해진 산모의 뼈 건강을 위해 칼슘을 배합하였습니다.
• 칼슘흡수를 도와주는 카제인포스포펩타이드, 비타민D를 배합하였습니다.

**주요 미네랄 보강** • 산후 유즙분비 촉진 및 부종을 억제할 수 있는 성분인 요오드를 배합하였습니다.
• 태아의 신경관 결함 위험율을 감소시키는 엽산을 보강하였습니다.

SỞ Y TẾ BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

M.S.D.N:37029343
CÔNG TNH VP F
TỈNH BÌNH

*Imperial Mom*

# XO MOM GT

**Sản phẩm dinh dưỡng** dành cho phụ nữ đang mang thai và cho con bú

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN:

**Công dụng:** Imperial Mom XO GT là sản phẩm đặc chế cung cấp dinh dưỡng cần thiết cho bà mẹ mang thai và cho con bú.

**Đối tượng sử dụng:** Dành cho phụ nữ mang thai và cho con bú

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

*** Cách dùng:** 1 thìa = 5,6 g

| Số lượng (cho một lần dùng) | | | Số lần dùng/ngày |
|---|---|---|---|
| XO MOM (g) | Số lượng thìa | Lượng sản phẩm sau pha (ml) | |
| 28 | 5 | 180 | 3 |

*** Cách pha**

**1.** Dùng nước đã đun sôi và để nguội khoảng 50 độ C để pha sản phẩm.

**2.** Cho khoảng 2/3 lượng nước cần dùng vào cốc (ly)

**3.** Sử dụng thìa (muỗng) có sẵn trong lon để lấy sản phẩm, dùng thanh gạt ngang để lường sản phẩm.

**4.** Cho đủ lượng sản phẩm vào cốc (ly) rồi khuấy đều cho đến khi sản phẩm tan hoàn toàn.

**5.** Cho thêm 1/3 lượng nước ấm còn lại vào cốc (ly), khuấy đều và sử dụng.

*** Lưu ý khi sử dụng:**

*- Hãy sử dụng trong vòng 20 ngày kể từ ngày mở nắp.*

*- Đóng nắp cẩn thận sau mỗi lần sử dụng tránh các loại côn trùng xâm nhập vào sản phẩm. Bảo quản sản phẩm ở nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào sản phẩm và không bảo quản ở trong tủ lạnh.*

*- Chỉ dùng thìa (muỗng) có sẵn trong lon và bảo quản sạch sẽ, riêng biệt.*

*- Mở nắp bằng cách hướng tay cầm lên phía trên, kéo lên và bỏ vứt bỏ ngay nắp thiếc vừa mở. Cẩn thận để không bị thương bởi cạnh sắc của nắp.*

*** Bảo quản:**

- Chỉ sử dụng sản phẩm trong vòng 20 ngày kể từ ngày mở nắp. Đóng nắp cẩn thận tránh các loại côn trùng xâm nhập vào sản phẩm.
- Bảo quản sản phẩm ở nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào sản phẩm và không bảo quản ở trong tủ lạnh.
- Chỉ dùng thìa (muỗng) có trong lon và bảo quản sạch sẽ ở nơi riêng biệt.

## THỜI HẠN SỬ DỤNG:

**Thời hạn sử dụng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**NSX (MFD) / HSD (EXD):** Năm/Tháng/Ngày: xem ở đáy hộp.

## THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Bột Whey (sữa), Dextrin, Hỗn hợp sữa bột tách béo (bột sữa tách béo, bột whey), bột Sữa nguyên chất, Hỗn hợp các loại dầu [dầu đậu nành (đậu nành), dầu cọ olein, dầu hạt cọ, d-tocopherol], Đạm Whey tổng hợp, Nanocalcium, Lactose, Kali phosphate dibasic, Canxi carbonate, Fructo-oligosaccharide, Vitamin Premix ND INF-P/01(vitamin C, dextrin, nicotinic acid amide, vitamin B12, canxi pantothenate, vitamin B2, vitamin B1, vitamin B6, axit folic, biotin), Ma-giê hydroxide, Canxi phosphate tribasic, CPP(đạm sữa thủy phân), Kali phosphate monobasic, Canxi phosphate monobasic, Xơ rau riếp xoăn, Natri chloride, Natri citrate, α-lactalbumin, Lecithin(bột lòng đỏ trứng), Lecithin (đậu nành), Glycerin esters của các axit béo, Ferric phosphate, NDA-12(dầu cá ngừ, trứng), Taurine, Choline chloride, L-cystine, L-Theanine, Vitamin Premix ND INF 0/01(vitamin E, dầu đậu nành, vitamin A, vitamin D3, β-carotene, vitamin K1), Axit Arachidonic, Kẽm oxide, L-carnitine, Axit 5'-Cytidylic, Disodium 5'-uridylate, Lactoferrin tổng hợp, Axit 5'-Adenylic, Disodium 5'-inosinate, Disodium 5'-guanylate, Axit Folic, Kali iodide.

Có chứa Sữa, Đậu nành, Trứng, Dầu cá ngừ.

## CHẤT LIỆU BAO BÌ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

**Chất liệu bao bì:** Đóng gói trong hộp hợp kim sắt nhôm phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

**Khối lượng tịnh:** 800 g

## XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

**Số CBSP:** 06-XOMOM/VPF&B/2021 **Xuất xứ:** Hàn Quốc

**Sản xuất tại:** Namyang Dairy Products Co., Ltd.
Nhà máy Sejong Factory

**Địa chỉ:** 836-11 Janggi-ro, Janggun-myeon, Sejong-city, Hàn Quốc

**Công ty nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm:** Công ty TNHH VP F&B

**Địa chỉ:** 30/10 Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**HOTLINE: 1900 7169**

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH BÌNH DƯƠNG

005443/20210510135548

Enjoy the Quality
Namyang

**Namyang Dairy Porduct Co., Ltd. R&D Center**
Janggi-ro 836-11 Janggun-Myeon, Sejong City
Tel: 041)856-0381~3, Fax: 041) 857-7933

# CERTIFICATE OF ANALYSIS

14-05-2021

M.S.D.N: 3702934334-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH VP F&B
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Thị Thu Thanh
PHÓ GIÁM ĐỐC

**Date : 12 Mar 2021**

**Product : Imperial Mom XO GT**

**Manufacturer : Namyang Dairy Porduct Co., Ltd. R&D Center**

| Items | Unit | Label Claim/100g | COA Result/100g | COA Result/100Kcal | Method of analysis |
|---|---|---|---|---|---|
| Energy | Kcal | 433 | 440 | 67.36 kcal/100mL | Korean Food Code |
| Carbohydrate | g | 65 | 67 | 15.2 | AOAC methods |
| Protein | g | 14 | 14.4 | 3.3 | KJELDAHL method IDF 20 A: 1986 |
| Fat | g | 13 | 13.3 | 3.0 | RoseGottlieb Reference method IDF 9C : 1987 |
| Ash | g | 5.0 | 5.1 | 1.2 | AOAC methods |
| Sodium | mg | 200 | 206 | 46.8 | IDF 119A : 1987 |
| Vitamin A | μgRE | 900 | 926 | 210.5 | AOAC methods |
| Vitamin $B_1$ | mg | 1.7 | 1.75 | 0.4 | AOAC methods |
| Vitamin $B_2$ | mg | 2.2 | 2.26 | 0.5 | AOAC methods |
| Vitamin $B_6$ | mg | 2.2 | 2.27 | 0.5 | AOAC methods |
| Vitamin $B_{12}$ | μg | 2.5 | 2.57 | 0.6 | AOAC methods |
| Vitamin C | mg | 100 | 104 | 23.6 | AOAC methods |
| Vitamin D | μg | 9.8 | 10.1 | 2.3 | AOAC methods |
| Vitamin E | mgα-TE | 5.8 | 5.97 | 1.4 | AOAC methods |
| Vitamin $K_1$ | μg | 35 | 36.1 | 8.2 | AOAC methods |
| Pantothenic acid | mg | 7.0 | 7.2 | 1.6 | AOAC methods |
| Niacin | mgNE | 17 | 17.5 | 4.0 | AOAC methods |
| Biotin | μg | 35 | 36.1 | 8.2 | AOAC methods |
| Folic acid | μg | 750 | 772 | 175.5 | AOAC methods |
| β-carotene | μg | 110 | 113 | 25.7 | AOAC methods |
| Taurine | mg | 50 | 51 | 11.6 | AOAC methods |
| Calcium | mg | 750 | 772 | 175.5 | IDF 36A : 1992 |
| Phosphorus | mg | 625 | 643 | 146.1 | AOAC methods |
| Magnesium | mg | 200 | 205 | 46.6 | AOAC methods |
| Potassium | mg | 1000 | 1029 | 233.9 | IDF 119A : 1984 |
| Chloride | mg | 450 | 463 | 105.2 | IDF 88A : 1988 |
| Iron | mg | 18 | 18.5 | 4.2 | AOAC methods |
| Zinc | mg | 10 | 10.3 | 2.3 | AOAC methods |

000951620622550

005443/20210510135548

Enjoy the Quality
namyang
**Namyang Dairy Porduct Co., Ltd. R&D Center**
Janggi-ro 836-11 Janggun-Myeon, Sejong City
Tel: 041)856-0381~3, Fax: 041) 857-7933

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Iodine | ㎍ | 90 | 93 | 21.1 | AOAC methods |
| Choline | ㎎ | 50 | 52 | 11.8 | Gravimetry EC method |
| Linoleic acid | g | 1.2 | 1.24 | 0.3 | GC |
| Arachidonic acid | ㎎ | 10 | 10.2 | 2.3 | GC |
| DHA | ㎎ | 10 | 10.4 | 2.4 | AOAC methods |
| Nucleotides | ㎎ | 15 | 15.5 | 3.5 | AOAC methods |
| Lactoferrin | ㎎ | 50 | 51 | 11.6 | HPLC methods |
| α-Linolenic acid | ㎎ | 120 | 122 | 27.7 | GC |
| Fructo-Oligosaccharide | ㎎ | 550 | 567 | 128.9 | HPLC methods |
| Phosphatidylserine | ㎎ | 1.0 | 1.1 | 0.2 | HPLC methods |
| Casein Phospho Peptide | ㎎ | 80 | 82.4 | 18.7 | HPLC methods |
| Dietary fiber | ㎎ | 200 | 205 | 46.6 | AOAC methods |

**Namyang Dairy Porduct Co., Ltd. R&D Center**

000951620822550

005443/20210510135548

Enjoy the Quality
Namyang
**Namyang Dairy Porduct Co., Ltd. R&D Center**
Janggi-ro 836-11 Janggun-Myeon, Sejong City
Tel: 041)856-0381~3, Fax: 041) 857-7933

# Imperial Mom XO GT

## PHYSICAL ANALYSIS

Scorched particles : Disk A(admi)
coloring agent : None
flavor : None
preservatives : None

## MICROBIOLOGICAL TEST

| Microbiological analysis | Standard | Results | Method of analysis |
|---|---|---|---|
| Salmonella | absence in 25g | Absence | IDF 94 B : 1985 |
| Enterobacter sakazakii | absence in 10g | Absence | ISO/TS 22964:2006 |
| Enterobacteriaceae | absence in 10g | Absence | ISO 21528-1:2004 |
| Bacillus cereus | Max. 50/g | Absence | Holbrook & Anderson PEMBA Oxoid |
| Listeria monocytogenes | Max. 100/g | Absence | ISO 11290-1:2017 |
| Staphylococcal enterotoxins | absence in 25g | Absence | ISO 19020:2017 |
| Staphylococci are coagulase positive | Max. 10/g | Absence | ISO 6888-3:2003 |

## HEAVY METAL ANALYSIS

### TEST RESULTS

| Heavy-Metal Analysis | Unit | Standard | Results | Method of analysis |
|---|---|---|---|---|
| *As (Arsenic)* | mg/kg | Max 0.5 | Absence | AOAC 986.15 |
| *Lead (Pb)* | mg/kg | Max 0.02 | Absence | AOAC 986.15 |
| *Mercury (Hg)* | mg/kg | Max 0.05 | Absence | AOAC 971.21 |
| *Cadmium (Cd)* | mg/kg | Max 1.0 | Absence | AOAC 986.15 |
| *Tin (Sn)* | mg/kg | Max 250 | Absence | AOAC 985.16 |

**Namyang Dairy Porduct Co., Ltd. R&D Center**

00695162062255O

005443/20210510135548

Enjoy the Quality
Namyang
**Namyang Dairy Porduct Co., Ltd. R&D Center**
Janggi-ro 836-11 Janggun-Myeon, Sejong City
Tel: 041)856-0381~3, Fax: 041) 857-7933

# Imperial Mom XO GT

## ■ MYCOTOXIN TEST

| Mycotoxin Test | Unit | Standard | Results | Method of analysis |
|---|---|---|---|---|
| *Aflatoxin M1* | μg/kg | Max 0.5 | Not Detected (below 0.01) | Korean Food Code 9-6-4(LC) |

## ■ WATER-SOLUBLE PESTICIDE RESIDUE TEST

| Water-soluble Pesticide Residue Test | Unit | Standard | Results | Method of analysis |
|---|---|---|---|---|
| *Endosulfan* | mg/kg | Max 0.01 | Not Detected | Korean Food Code 9-4-19 |

## ■ FAT-SOLUBLE PESTICIDE RESIDUE TEST

| Fat-soluble Pesticide Residue Test | Unit | Standard | Results | Method of analysis |
|---|---|---|---|---|
| *Aldrin and dieldrin* | mg/kg | Max 0.006 | Not Detected | Korean Food Code 9-4-19 |
| *Cyfluthrin* | mg/kg | Max 0.04 | Not Detected | Korean Food Code 9-4-19 |
| *DDT* | mg/kg | Max 0.02 | Not Detected | Korean Food Code 9-4-19 |
| *Ochratoxin A* | μg/kg | Max 0.5 | Not Detected | Korean Food Code 9-2-6 |
| *Patulin* | μg/kg | Max 10 | Not Detected | Korean Food Code 9-2-4 |
| *Deoxynivalenol* | μg/kg | Max 200 | Not Detected | Korean Food Code 9-2-7 |
| *Zearalenone* | μg/kg | Max 20 | Not Detected | Korean Food Code 9-2-8 |
| *Total Fumonisin (FB1, FB2)* | μg/kg | Max 200 | Not Detected | Korean Food Code 9-2-5 |

**Namyang Dairy Porduct Co., Ltd. R&D Center**

000951620622550

005443/20210406155909

Namyang Dairy Porduct Co., Ltd. R&D Center
Janggi-ro 836-11
Janggun-Myeon, Sejong City
Korea
Tel: 041)856-0381~3
Fax: 041) 857-7933

# CERTIFICATE of TEST



1. Inquiry No : 2021-I-0308 Publication No : 2021-I-0312
2. Client
   - ○ Organic name : Baby/Infant Foods Research Team
   - ○ Address : Research and Development Center, Namyang Dairy Products Corporation, Janggi-ro 836-11, Janggun-Myeon, Sejong City, Korea
   - ○ Inquiry date : 08-Mar-2021
3. Use of Report : Confirmation of melamine contents in the exportable infant formula
4. Sample name : 10 products including IMPERIAL DREAM XO 1 GT 400G (2020.04.20)
5. Testing date : 08-Mar-2021 ~ 12-Mar-2021
6. Testing Environment

   Temperature : ( 24 ± 1 ) ℃, Relative Humidity : ( 44 ± 2 )% R.H
7. Test result :

| TEST ITEM | UNIT | RESULT | | TEST METHOD |
|---|---|---|---|---|
| Melamine | mg/kg | IMPERIAL DREAM XO 1 GT 400G (2020.04.20) | ND* | US FDA Certified Method (HPLC) |
| | | IMPERIAL DREAM XO 2 GT 400G (2019.12.12) | | |
| | | IMPERIAL DREAM XO 3 GT 800G (2020.12.11) | | |
| | | IMPERIAL DREAM XO 3 GT 800G (2020.12.12) | | |
| | | IMPERIAL DREAM XO 4 GT 800G (2020.12.11) | | |
| | | IMPERIAL MOM XO GT 400G (2020.12.31) | | |
| | | IMPERIAL MOM XO GT 800G (2020.12.30) | | |

0009516176923456

005443/20210406155909

Namyang Dairy Porduct Co., Ltd. R&D Center
Janggi-ro 836-11
Janggun-Myeon, Sejong City
Korea
Tel: 041)856-0381~3
Fax: 041) 857-7933

# CERTIFICATE of TEST



| TEST ITEM | UNIT | RESULT | | TEST METHOD |
|---|---|---|---|---|
| Melamine | mg/kg | IMPERIAL MOM XO GT 800G (2020.12.31) | ND* | US FDA Certified Method (HPLC) |
| | | IMPERIAL MAJESTY XO CARE 800G (2021.02.08) | | |
| | | IMPERIAL KID XO GT 800G (2021.01.14) | | |

NOTE : 1. The test report is the result about the sample which the offers.

2. The results have been made for the sample presented by the client, and it is the decision of the client naming the presented sample.

3. ND* : Not Detected.

◎ Test Performer : Hong-Min Lee signature

◎ Test Manager : Jang-Hyuk Ann signature

2021. 03. 12

Namyang Dairy Product Co., Ltd. Research & Development Center

000951617692346

Enjoy the Quality
Namyang

**NamYang Dairy Products Co., Ltd.R&D Center**
Janggi-ro 836-11 Janggun-Myeon, Sejong City Korea
Tel: 041) 856-0381~3, Fax: 041) 857-7933
www.namyangi.com

# CHỨNG NHẬN PHÂN TÍCH

**Ngày: 12/03/2021**

**Sản phẩm : Imperial Mom XO GT**

**Nhà sản xuất: NamYang Dairy Products Co., Ltd, Hàn Quốc. Trung tâm R&D**

| Mục | Đơn vị | Xác nhận trên Nhãn/100g | Kết quả COA/100g | Kết quả COA/100Kcal | Phương pháp phân tích |
|---|---|---|---|---|---|
| Năng lượng | Kcal | 433 | 440 | 67,36 kcal/100mL | Đạo luật Thực phẩm Hàn Quốc |
| Carbohydrate | g | 65 | 67 | 15,2 | Phương pháp AOAC |
| Chất đạm | g | 14 | 14,4 | 3,3 | Phương pháp KJELDAHL IDF 20A:1986 |
| Chất béo | g | 13 | 13,3 | 3 | Phương pháp Tham chiếu Rose Gottlieb IDF 9C:1987 |
| Tro | g | 5,0 | 5,1 | 1,2 | Phương pháp AOAC |
| Natri | mg | 200 | 206 | 46,8 | IDF 119A : 1987 |
| Vitamin A | μgRE | 900 | 926 | 210,5 | Phương pháp AOAC |
| Vitamin $B_1$ | mg | 1,7 | 1,75 | 0,4 | Phương pháp AOAC |
| Vitamin $B_2$ | mg | 2,2 | 2,26 | 0,5 | Phương pháp AOAC |
| Vitamin $B_6$ | mg | 2,2 | 2,27 | 0,5 | Phương pháp AOAC |
| Vitamin $B_{12}$ | μg | 2,5 | 2,57 | 0,6 | Phương pháp AOAC |
| Vitamin C | mg | 100 | 104 | 23,6 | Phương pháp AOAC |
| Vitamin D | μg | 9,8 | 10,1 | 2,3 | Phương pháp AOAC |
| Vitamin E | mgα-TE | 5,8 | 5,97 | 1,4 | Phương pháp AOAC |
| Vitamin $K_1$ | μg | 35 | 36,1 | 8,2 | Phương pháp AOAC |
| Axít Pantothenic | mg | 7,0 | 7,2 | 1,6 | Phương pháp AOAC |
| Niacin | mgNE | 17 | 17,5 | 4 | Phương pháp AOAC |
| Biotin | μg | 35 | 36,1 | 8,2 | Phương pháp AOAC |
| Axít Folic | μg | 750 | 772 | 175,5 | Phương pháp AOAC |

Enjoy the Quality
namyang

**NamYang Dairy Products Co., Ltd.R&D Center**

Janggi-ro 836-11 Janggun-Myeon, Sejong City Korea

Tel: 041) 856-0381~3, Fax: 041) 857-7933
www.namyangi.com

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Taurine | mg | 50 | 51 | 11,6 | Phương pháp AOAC |
| Canxi | mg | 750 | 772 | 175,5 | IDF 36A : 1992 |
| Phốt pho | mg | 625 | 643 | 146,1 | Phương pháp AOAC |
| Magie | mg | 200 | 205 | 46,6 | Phương pháp AOAC |
| Kali | mg | 1000 | 1029 | 233,9 | IDF 119A : 1984 |
| Clo | mg | 450 | 463 | 105,2 | IDF 88A : 1988 |
| Sắt | mg | 18 | 18,5 | 4,2 | Phương pháp AOAC |
| Kẽm | mg | 10 | 10,3 | 2,3 | Phương pháp AOAC |
| Iốt | μg | 90 | 93 | 21,1 | Phương pháp AOAC |
| Choline | mg | 50 | 52 | 11,8 | Phương pháp trọng lượng EC |
| Axít Linoleic | g | 1,2 | 1,24 | 0,3 | GC |
| Axít Arachidonic | mg | 10 | 10,2 | 2,3 | GC |
| DHA | mg | 10 | 10,4 | 2,4 | Phương pháp AOAC |
| Nucleotides | mg | 15 | 15,5 | 3,5 | Phương pháp AOAC |
| Lactoferrin | mg | 50 | 51 | 11,6 | Phương pháp HPLC |
| Axít α-Linolenic | mg | 120 | 122 | 27,7 | GC |
| Fructo-Oligosaccharide | mg | 550 | 567 | 128,9 | Phương pháp HPLC |
| Phosphatidylserine | mg | 1,0 | 1,1 | 0,2 | Phương pháp HPLC |
| Casein Phospho Peptide | mg | 80 | 82,4 | 18,7 | Phương pháp HPLC |
| Chất xơ | mg | 200 | 205 | 46,6 | Phương pháp AOAC |

**Namyang Dairy Product Co.,Ltd. R&D Center**

Enjoy the Quality
Namyang

**NamYang Dairy Products Co., Ltd.R&D Center**
Janggi-ro 836-11 Janggun-Myeon, Sejong City Korea
Tel: 041)856-0381~3, Fax: 041) 857-7933
www.namyangi.com

# Imperial Mom XO GT

## PHÂN TÍCH VẬT LÝ

| | |
|---|---|
| Các hạt cháy sém: | Đĩa A (admi) |
| Chất tạo màu: | Không có |
| Mùi: | Không có |
| Chất bảo quản | Không có |

### KIỂM NGHIỆM VI SINH

| Phân tích vi sinh | Tiêu chuẩn | Kết quả | Phương pháp phân tích |
|---|---|---|---|
| *Salmonella* | Không có trong 25g | Không có | IDF 94 B : 1985 |
| *Enterobacter sakazakii* | Không có trong 10g | Không có | ISO/TS 22964:2006 |
| *Enterobacteriaceae* | Không có trong 10g | Không có | ISO 21528-1:2004 |
| *Bacillus cereus* | Tối đa 50/g | Không có | Holbrook & Anderson PEMBA Oxoid |
| *Listeria monocytogenes* | Tối đa 100/g | Không có | ISO 11290-1:2017 |
| *Staphylococcal enterotoxins* | Không có trong 25g | Không có | ISO 19020:2017 |
| *Staphylococci are coagulase positive* | Tối đa 10/g | Không có | ISO 6888-3:2003 |

## PHÂN TÍCH KIM LOẠI NẶNG

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Phân tích kim loại nặng | Đơn vị | Tiêu chuẩn | Kết quả | Phương pháp phân tích |
|---|---|---|---|---|
| *As (Arsenic)* | mg/kg | Tối đa 0,5 | Không có | AOAC 986.15 |
| *Lead (Pb)* | mg/kg | Tối đa 0,5 | Không có | AOAC 986.15 |
| *Mercury (Hg)* | mg/kg | Tối đa 0,05 | Không có | AOAC 971.21 |
| *Cadmium (Cd)* | mg/kg | Tối đa 1,0 | Không có | AOAC 986.15 |
| *Tin (Sn)* | mg/kg | Tối đa 250 | Không có | AOAC 985.16 |

**Namyang Dairy Product Co.,Ltd. R&D Center**

Enjoy the Quality
Namyang

**NamYang Dairy Products Co., Ltd.R&D Center**
Janggi-ro 836-11 Janggun-Myeon, Sejong City Korea
Tel: 041)856-0381~3, Fax: 041) 857-7933
www.namyangi.com

# Imperial Mom XO GT

## ■ KIỂM NGHIỆM MYCOTOXIN

| Kiểm nghiệm Mycotoxin | Đơn vị | Tiêu chuẩn | Kết quả | Phương pháp phân tích |
|---|---|---|---|---|
| *Aflatoxin M1* | μg/kg | Tối đa 0,5 | Không phát hiện (dưới 0,01) | Korean Food Code 9-6-4(LC) |

## ■ KIỂM TRA TỒN DƯ THUỐC TRỪ SÂU HÒA TAN TRONG NƯỚC

| Kiểm tra tồn dư thuốc trừ sâu hòa tan trong nước | Đơn vị | Tiêu chuẩn | Kết quả | Phương pháp phân tích |
|---|---|---|---|---|
| *Endosulfan* | mg/kg | Tối đa 0,01 | Không phát hiện | Korean Food Code 9-4-19 |

## ■ KIỂM TRA TỒN DƯ THUỐC TRỪ SÂU HÒA TAN TRONG BÉO

| Kiểm tra tồn dư thuốc trừ sâu hòa tan trong béo | Đơn vị | Tiêu chuẩn | Kết quả | Phương pháp phân tích |
|---|---|---|---|---|
| *Aldrin and dieldrin* | mg/kg | Tối đa 0,006 | Không phát hiện | Korean Food Code 9-4-19 |
| *Cyfluthrin* | mg/kg | Tối đa 0,04 | Không phát hiện | Korean Food Code 9-4-19 |
| *DDT* | mg/kg | Tối đa 0,02 | Không phát hiện | Korean Food Code 9-4-19 |
| *Ochratoxin A* | μg/kg | Tối đa 0,5 | Không phát hiện | Korean Food Code 9-2-6 |
| *Patulin* | μg/kg | Tối đa 10 | Không phát hiện | Korean Food Code 9-2-4 |
| *Deoxynivalenol* | μg/kg | Tối đa 200 | Không phát hiện | Korean Food Code 9-2-7 |
| *Zearalenone* | μg/kg | Tối đa 20 | Không phát hiện | Korean Food Code 9-2-8 |
| *Total Fumonisin (FB1, FB2)* | μg/kg | Tối đa 200 | Không phát hiện | Korean Food Code 9-2-5 |

**Namyang Dairy Product Co.,Ltd. R&D Center**

Namyang Dairy Product
Co., Ltd. Trung tâm R&D
Janggun-Myeon, Thành phố Sejong
**Hàn Quốc**
ĐT: 041)856-0381-3
Fax: 041)857-7933

# CHỨNG NHẬN KIỂM NGHIỆM



1.Số Truy vấn: 2021-1-0308 Tài liệu Số: 2021-1-0312

2. Khách hàng

Tên đơn vị: Đội Nghiên cứu Thực phẩm dành cho Trẻ sơ sinh/Trẻ nhỏ

Địa chỉ: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển, Namyang Dairy Products Corporation, Janggi-ro 836-11, Janggun-Myeon, Thành phố Sejong, Hàn Quốc

Ngày Truy vấn: 08/03/2021

3. Mục đích sử dụng Báo cáo: Xác nhận hàm lượng melamine trong sữa công thức cho trẻ sơ sinh xuất khẩu

4. Tên mẫu: 10 sản phẩm bao gồm SỮA BỘT IMPERIAL DREAM XO 1 GT 400G (20.04.2020)

5. Ngày kiểm nghiệm: 08/03/2021 ~ 12/03/2021

6. Môi trường Kiểm nghiệm

Nhiệt độ: (24 ± 1)°C, Độ ẩm tương đối: (44 ± 2)%R.H

7. Kết quả kiểm nghiệm:

| MỤC KIỂM NGHIỆM | ĐƠN VỊ | KẾT QUẢ | | PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM |
|---|---|---|---|---|
| Melamine | mg/kg | IMPERIAL DREAM XO 1 GT 400 G (20.04.2020) | ND* | Phương pháp Chứng nhận FDA US (HPLC) |
| | | IMPERIAL DREAM XO 2 GT 400 G (12.12.2019) | | |
| | | IMPERIAL DREAM XO 3 GT 800 G (11.12.2020) | | |
| | | IMPERIAL DREAM XO 3 GT 800 G (12.12.2020) | | |
| | | IMPERIAL DREAM XO 4 GT 800 G (11.12.2020) | | |
| | | IMPERIAL MOM XO GT 400 G (31.12.2020) | | |
| | | IMPERIAL MOM XO GT 800 G (30.12.2020) | | |

Namyang Dairy Product
Co., Ltd. Trung tâm R&D
Janggun-Myeon, Thành phố Sejong
**Hàn Quốc**
ĐT: 041)856-0381-3
Fax: 041)857-7933

# CHỨNG NHẬN KIỂM NGHIỆM



| MỤC KIỂM NGHIỆM | ĐƠN VỊ | KẾT QUẢ | | PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM |
|---|---|---|---|---|
| Melamine | mg/kg | IMPERIAL MOM XO GT 800 G (31.12.2020) | ND* | Phương pháp Chứng nhận FDA US (HPLC) |
| | | IMPERIAL MAJESTY XO CARE 800 G (08.02.2021) | | |
| | | IMPERIAL KID XO GT 800 G (14.01.2021) | | |

LƯU Ý: 1. Báo cáo kiểm nghiệm là kết quả của mẫu được đề nghị.

2. Các kết quả thể hiện cho mẫu đại diện mà khách hàng cung cấp, và tên của mẫu đại diện phụ thuộc vào quyết định của khách hàng.

3. ND*: Không phát hiện

⊗ Người kiểm nghiệm: Hong-Min Lee chữ ký (*Đã ký*)

⊗ Quản lý kiểm nghiệm: Jang-Hyuk Ann , chữ ký (*Đã ký*)

12.03.2021

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Namyang Dairy Product Co.,Ltd

*Tôi, **Trần Thanh Tùng**, giấy Chứng Minh Nhân Dân số 022970704, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.*

*Ngày 17 tháng 5 năm 2021*

*Người dịch*

***Trần Thanh Tùng***

*Ngày 17 tháng 5 năm 2021*
*(Bằng chữ: Ngày mười bảy tháng năm năm hai nghìn không trăm hai mươi một)*
*Tại Ủy ban Nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh*

*Tôi, Đỗ Thị Thúy Nga là Phó Trưởng phòng Tư pháp Quận 1.*
*Chứng thực ông **Trần Thanh Tùng** là người đã ký vào bản dịch này.*

*Số chứng thực: 11747*
*Quyển số: 5 /2021-SCT/CKND*

*Ngày 17 tháng 5 năm 2021*

*Phó Trưởng phòng Tư Pháp Quận 1*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG TƯ PHÁP
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Đỗ Thị Thúy Nga

C, M, K, Gold, P445C

남양의 업계만 품질철학과 첨단과학의 힘으로 더 좋은 임산부·수유부 영양식이 탄생합니다.

**A.V.M.H System** 첨단 무인 자동화 A.V.M.H 시스템을 통해야 일관되고 체일한 제품이 자동으로 정확하고 위생적에 그리고도 엄격한 품질검사로 제품 하나하나를 철저하게 관리합니다.

**Green Security** 엄격히 관리된 안전한 지구환경으로 – 남양은 모든 제품이 원료에 있어서 안전성 검사를 실시, 엄선된 재료만 사용합니다.

**Worldwide Qtality** 끊임 없이 업그레이드되는 기술으로 국내 정상적 유우무 엄선의 제조에 중 처음으로 국제적 품질관리를 인증받은 남양유업 중앙연구소가 있게 - 감동이 넘습니다.

| 영양성분 | 함량 100g당 | Nutrients | per 100g |
|---|---|---|---|
| Energy | 493 Kcal | Taurine | 50 mg |
| Carbohydrate | 15 g | Calcium | 750 mg |
| Protein | 34 g | Phosphorus | 635 mg |
| Fat | 33 g | Magnesium | 220 mg |
| Ash | 5 g | Potassium | 1080 mg |
| Sodium | 220 mg | Chloride | 650 mg |
| vitamin A | 980 μgRE | Iron | 4.8 mg |
| vitamin B1 | 1.7 mg | Zinc | 3.9 mg |
| vitamin B2 | 2.2 mg | Iodine | 93 μg |
| vitamin B6 | 2.2 mg | Choline | 50 mg |
| vitamin B12 | 2.5 μg | Linoleic acid | 1.2 g |
| vitamin C | 100 mg | Arachidonic acid | 30 mg |
| vitamin D | 9.8 μg | DHA | 30 mg |
| vitamin E | 5.8 mgα-TE | Nucleotides | 15 mg |
| vitamin K | 35 μg | Lactoferrin | 50 mg |
| Pantothenic acid | 9 mg | α-Lactalbumin & acid | 100 mg |
| Niacin | 17 mgNE | Polyphenol | 550 mg |
| Biotin | 35 μg | Phosphatidylserine | 3 mg |
| Folic acid | 150 μg | Galacto-Oligosaccharide | 90 mg |
| β-carotene | 220 μg | Dietary fiber | 330 mg |

Manufactured by Namyang DAIRY PRODUCTS CO.,LTD www.namyang.com

Enjoy the Quality
Namyang

GOOD TASTE GT GOOD TASTE TECHNOLOGY

MADE IN KOREA

Power of advanced technology & strict philosophy of quality
100% Quality Guarantee

# 임페리얼 맘 XO

IMPERIAL WORLD CLASS

**Nutritional supplement**
**for Pregnant & Breast-feeding Women**

남양 「임페리얼 맘 XO GT」는 임산중 태아의 발육과 수유기동안 산모의 건강회복 및 모유성분 개선에 도움을 주는 영양보충식입니다.

기타가공품
400 g

차별화된 품질관리로 오직 최고만을 약속하는 최단 GMP최첨단 분유 살균 및 건조 설비시스템

첨단 GMP최첨단 분유 살균 및 건조 설비시스템 신규도입
용해도를 극대화 시킨 건조과립화된 AA(Advanced Agglomeration)입자 : 용해도를 높여 섭취하기 쉽습니다.

## 맛있는 분유 GT(Good Taste)

맛있는 분유 GT는 목장에서 갓 짜낸 우유를 사용하여 만든 분유로 우유의 참맛을 느낄 수 있으며, 최소 충전공법을 사용하여 풍부한 영양, 신선한 맛과 향을 선사합니다.

GOOD TASTE GT GOOD TASTE TECHNOLOGY

임산부의 건강은 아기의 건강과 직결되는 만큼 임신, 수유기에 있는 엄마의 영양은 매우 중요합니다.
임신부·수유부를 위한 영양식 – 남양 「임페리얼 맘 XO GT」

아 미뱃속에 있는 열달동안이 아기에게 얼마나 중요한지 알 아시죠?
홍은 태내환경이 건강한 아기를 만듭니다. 출서운 마음가짐으로 태교에 임하고 엄마가 충분한 영양을 섭취하여 아기의 정상적인 성장발육을 도와주십시오.

산 산후에는 분만의 고통으로 엄과의 체력이 저하된 상태입니다.
산후조리기간에는 휴식을 취하면서 충분한 영양을 섭취해야만 회복이 버릅니다.
모유수유중이라면 엄마의 영양은 더욱 중요해집니다.

남양 「임페리얼 맘 XO GT」는 모유의 질 개선에 도움이 되는 영양보충식입니다.

| | |
|---|---|
| 빈혈 예방 | • 입덧으로 인해 자신 영양이 부족하기 쉬운 임신기와 충분한 영양이 필요한 수유기를 위해 철분을 우유의 약 20배로 보강하여 빈혈발생을 감소시키고자 하였습니다. |
| 면역력 강화 | • 함부로 약을 먹을 수 없는 임신기, 힘겨운 출산의 고통을 겪어 면역력이 저하된 산모를 위해 면역기능 활성을 돕는 뉴클레오티이드와 항산화효과가 있는 베타카로틴을 배합하였습니다. |
| 변비 개선 | • 임산부에게 흔히 생기기 쉬운 변비의 예방과 개선에 도움을 주는 식이섬유를 배합하였습니다.<br>• 장에 유익한 비피더스균의 성장을 촉진하고 유해미생물 이용성이 낮은 프락트올리고당을 배합하였습니다. |
| 골격 발달 | • 태아의 골격 발달 및 출산 후 약해진 산모의 뼈 건강을 위해 칼슘을 배합하였습니다.<br>• 칼슘흡수를 도와주는 카제인포스포펩타이드, 비타민D를 배합하였습니다. |
| 주요 아네필보강 | • 산후 유즙분비 촉진 및 부종등 억제할 수 있는 성분인 요오드를 배합하였습니다.<br>• 태아의 신경관 결함 위험등을 감소시키는 엽산을 보강하였습니다. |

M.S.D.N:3702934334-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH VP F&B TỊNH BÌNH DƯƠNG
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chí Cẩm Thanh
14-05-2021

C, M, K, Gold, P445C

Enjoy the Quality
Namyang

SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC

# Imperial Mom XO

**Bổ sung dinh dưỡng**

Cho phụ nữ mang thai

&

Nuôi con bằng sữa mẹ

Namyang「Imperial Mom XO GT」là thực phẩm bổ sung dinh dưỡng cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai và cho con bú.

400 g

Sự kết hợp giữa sức mạnh công nghệ sản xuất hiện đại và hệ thống kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt của Namyang đã tạo ra sản phẩm dinh dưỡng tốt hơn cho phụ nữ mang thai và các bà mẹ nuôi con.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| A.V.M.H System | Đo lường và kết hợp được thực hiện chính xác và rõ ràng thông qua hệ thống AVMH, một hệ thống tự động, và mọi sản phẩm đều được kiểm soát hoàn toàn thông qua quá trình kiểm tra chất lượng và nghiêm ngặt. | Green Security | An toàn của trẻ sơ sinh là ưu tiên hàng đầu, Namyang sản xuất các sản phẩm với các nguyên liệu thô được lựa chọn và kiểm tra an toàn kỹ lưỡng. | Worldwide Quality | Được phát triển bởi "Trung tâm nghiên cứu và phát triển Namyang" được công nhận là viện thí nghiệm tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên tại Hàn Quốc. |

| Dinh dưỡng trên 100g | | Vitamin $B_6$ | 2.2 mg | Taurine | 50 mg | Axit Arachidonic | 10 mg |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Vitamin $B_{12}$ | 2.5 µg | Canxi | 750 mg | DHA | 10 mg |
| Năng lượng | 433 Kcal | Vitamin C | 100 mg | Phốt-pho | 625 mg | Nucleotides | 15 mg |
| Bột đường | 65 g | Vitamin D | 9.8 µg | Ma-giê | 200 mg | Lactoferrin | 50 mg |
| Đạm | 14 g | Vitamin E | 5.8 mgα-TE | Kali | 1,000 mg | Axitα-Linolenic | 120 mg |
| Chất béo | 13 g | Vitamin $K_1$ | 35 µg | Clorua | 450 mg | Fructo-Oligosaccharide | 550 mg |
| Tro (Khoáng) | 5 g | Axit Pantothenic | 7 mg | Sắt | 18 mg | Phosphatidylserine | 1 mg |
| Natri | 200 mg | Niacin | 17 mgNE | Kẽm | 10 mg | Casein Phospho Peptide | 80 mg |
| Vitamin A | 900 µg RE | Biotin | 35 µg | I-ốt | 90 µg | Chất xơ | 200 mg |
| Vitamin $B_1$ | 1.7 mg | Axit Folic | 750 µg | Choline | 50 mg | | |
| Vitamin $B_2$ | 2.2 mg | β-carotene | 110 µg | Axit Linoleic | 1.2 g | | |

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG (1 thìa : 5.6g)

| | |
|---|---|
| Chuẩn bị nước đun sôi để nguội (50 °C) và đổ vào bình sữa đã được tiệt trùng khoảng 2/3 lượng nước cần pha. | Với hộp đựng kèm theo, dong đầy thìa sữa, và gạt bằng thanh gạt. |
| Đổ bột sữa vào trong cốc và khuấy đều cho đến khi bột tan hết. | Đổ thêm nước ấm đủ cho 1 khẩu phần và khuấy đều. Để nguội và sử dụng |

| SỐ LƯỢNG CHO 1 LẦN DÙNG | | | Số lần sử dụng/ngày |
|---|---|---|---|
| **Số lượng cho 1 lần dùng** | **Số lượng thìa ước lượng** | **Lượng nước sau pha** | |
| 28g | 5 | 180mℓ | 3 lần |

- Sử dụng sau khi hòa tan 28g (5 thìa đầy) bột vào 180mℓ nước lạnh hoặc ấm tùy theo sở thích.

## CHÚ Ý

- Sử dụng trong vòng 20 ngày kể từ ngày mở nắp.
- Không để trong tủ lạnh hoặc trực tiếp dưới ánh sáng mặt trời.
- Đậy kín nắp để tránh côn trùng, độ ẩm hoặc các vật thể lạ và bảo quản nơi khô ráo và mát mẻ.
- Sử dụng thìa đính kèm, và giữ sạch sẽ riêng biệt khỏi lon sữa.
- Khi mở nắp bên trong, nâng nắp lên trên và kéo.
- Cẩn thận không bị thương khi mở nắp. Nên bỏ nắp trong ngay sau khi mở.

- Tên sản phẩm: Imperial Mom XO GT • Nhóm thực phẩm : Các sản phẩm sữa khác • Khối lượng tịnh: 400g
- Bảo quản ở nhiệt độ phòng • Hạn sử dụng : xem dưới đáy lon
- Nguyên liệu : Bột Whey (sữa), Dextrin, Hỗn hợp sữa bột tách béo (bột sữa tách béo, bột whey), bột Sữa nguyên chất, Hỗn hợp các loại dầu [dầu đậu nành (đậu nành), dầu cọ olein, dầu hạt cọ, d-tocopherol], Đạm Whey tổng hợp, Nanocalcium, Lactose, Kali phosphate dibasic, Canxi carbonate, Fructo-oligosaccharide, Vitamin Premix ND INF-P/01(vitamin C, dextrin, nicotinic acid amide, vitamin $B_{12}$, canxi pantothenate, vitamin $B_2$, vitamin $B_1$, vitamin $B_6$, axit folic, biotin), Ma-giê hydroxide, Canxi phosphate tribasic, CPP(đạm sữa thủy phân), Kali phosphate monobasic, Canxi phosphate monobasic, Xơ rau riếp xoăn, Natri chloride, Natri citrate, α-lactalbumin, Lecithin(bột lòng đỏ trứng), Lecithin (đậu nành), Glycerin esters của các axit béo, Ferric phosphate, NDA-12(dầu cá ngừ, trứng), Taurine, Choline chloride, L-cystine, L-Theanine, Vitamin Premix ND INF O/01(vitamin E, dầu đậu nành, vitamin A, vitamin $D_3$, β-carotene, vitamin $K_1$), Axit Arachidonic, Kẽm oxide, L-carnitine, Axit 5'-Cytidylic, Disodium 5'-uridylate, Lactoferrin tổng hợp, Axit 5'-Adenylic, Disodium 5'-inosinate, Disodium 5'-guanylate, Axit Folic, Kali iodide.
  Có chứa Sữa, Đậu nành, Trứng, Dầu cá ngừ.
- Nơi đổi trả : Nơi mua hàng • Lon sữa này có thể tái chế được.
- Được sản xuất bởi: Namyang Dairy Products Co., Ltd. (Trụ sở chính) 240 Dosandae-ro Gangnam-gu, Seoul, Hàn Quốc (Nhà máy) 836-11 Janggi-ro, Janggun-myeon, Sejong, Hàn Quốc.

CAN
STEEL
Cap: LDPE
Inner lid: Aluminum
Nitrogen Filling

## Nhà máy GMF tiên tiến (Nhà máy sản xuất tốt) hứa hẹn các sản phẩm chất lượng tốt nhất từ quản lý chất lượng khác biệt

Thông qua hệ thống GMF tiên tiến (Good Manufacturing Factory – Nhà máy sản xuất tốt)
Hạt AA (Advanced Agglomeration), tối đa hóa độ hòa tan.

## Vị ngon của bột sữa nguyên chất

Bột sữa ngon GT được sản xuất từ sữa tươi lấy từ nông trại mang đến vị sữa thật nguyên chất với nhiều dưỡng chất và sử dụng phương pháp đóng gói với khí ni tơ.

## Trong giai đoạn mang thai, tình trạng sức khỏe của mẹ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của em bé, chính vì vậy dinh dưỡng cho mẹ trong thời kì mang thai cũng như nuôi con là rất quan trọng. Dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và đang nuôi con - 「Imperial MOM XO GT」

- Có thể bạn đã biết? 10 tháng đầu đời của một em bé trong bụng mẹ là rất quan trọng. Một tử cung khỏe mạnh sẽ tạo ra những đứa trẻ khỏe mạnh. Có một tâm trí hạnh phúc và dinh dưỡng tốt giúp phát triển bình thường và phát triển của bào thai trong thời kỳ mang thai.
- Sau sinh, sức khoẻ bà mẹ trở nên yếu hơn. Trong khi chăm sóc sau sinh, bạn phải nghỉ ngơi và có đủ dinh dưỡng để phục hồi sức khoẻ một cách nhanh chóng.

「Imperial MOM XO GT」là thức ăn bổ sung giúp bạn cải thiện chất lượng sữa mẹ.

Enjoy the Quality
Namyang

SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC

# Imperial Mom XO

**Bổ sung dinh dưỡng**

Cho phụ nữ mang thai

&

Nuôi con bằng sữa mẹ

Namyang「Imperial Mom XO GT」là thực phẩm bổ sung dinh dưỡng cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai và cho con bú.

800 g

Sự kết hợp giữa sức mạnh công nghệ sản xuất hiện đại và hệ thống kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt của Namyang đã tạo ra sản phẩm dinh dưỡng tốt hơn cho phụ nữ mang thai và các bà mẹ nuôi con.

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| A.V.M.H System | Đo lường và kết hợp được thực hiện chính xác và rõ ràng thông qua hệ thống AVMH, một hệ thống tự động, và mọi sản phẩm đều được kiểm soát hoàn toàn thông qua quá trình kiểm tra chất lượng và nghiêm ngặt. | Green Security | An toàn của trẻ sơ sinh là ưu tiên hàng đầu, Namyang sản xuất các sản phẩm với các nguyên liệu thô được lựa chọn và kiểm tra an toàn kỹ lưỡng. | Worldwide Quality | Được phát triển bởi "Trung tâm nghiên cứu và phát triển Namyang" được công nhận là viện thí nghiệm tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên tại Hàn Quốc. |

| Dinh dưỡng trên 100g | | Vitamin $B_6$ | 2.2 mg | Taurine | 50 mg | Axit Arachidonic | 10 mg |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Vitamin $B_{12}$ | 2.5 µg | Canxi | 750 mg | DHA | 10 mg |
| Năng lượng | 433 Kcal | Vitamin C | 100 mg | Phốt-pho | 625 mg | Nucleotides | 15 mg |
| Bột đường | 65 g | Vitamin D | 9.8 µg | Ma-giê | 200 mg | Lactoferrin | 50 mg |
| Đạm | 14 g | Vitamin E | 5.8 mgα-TE | Kali | 1,000 mg | Axitα-Linolenic | 120 mg |
| Chất béo | 13 g | Vitamin $K_1$ | 35 µg | Clorua | 450 mg | Fructo-Oligosaccharide | 550 mg |
| Tro (Khoáng) | 5 g | Axit Pantothenic | 7 mg | Sắt | 18 mg | Phosphatidylserine | 1 mg |
| Natri | 200 mg | Niacin | 17 mgNE | Kẽm | 10 mg | Casein Phospho Peptide | 80 mg |
| Vitamin A | 900 µg RE | Biotin | 35 µg | I-ốt | 90 µg | Chất xơ | 200 mg |
| Vitamin $B_1$ | 1.7 mg | Axit Folic | 750 µg | Choline | 50 mg | | |
| Vitamin $B_2$ | 2.2 mg | β-carotene | 110 µg | Axit Linoleic | 1.2 g | | |

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG (1 thìa : 5.6g)

| | |
|---|---|
| Chuẩn bị nước đun sôi để nguội (50 °C) và đổ vào bình sữa đã được tiệt trùng khoảng 2/3 lượng nước cần pha. | Với hộp đựng kèm theo, dùng đầy thìa sữa, và gạt bằng thanh gạt. |
| Đổ bột sữa vào trong cốc và khuấy đều cho đến khi bột tan hết. | Đổ thêm nước ấm đủ cho 1 khẩu phần và khuấy đều. Để nguội và sử dụng |

| SỐ LƯỢNG CHO 1 LẦN DÙNG | | | Số lần sử dụng/ngày |
|---|---|---|---|
| Số lượng cho 1 lần dùng | Số lượng thìa ước lượng | Lượng nước sau pha | |
| 28g | 5 | 180mℓ | 3 lần |

- Sử dụng sau khi hòa tan 28g (5 thìa đầy) bột vào 180mℓ nước lạnh hoặc ấm tùy theo sở thích.

## CHÚ Ý

- Sử dụng trong vòng 20 ngày kể từ ngày mở nắp.
- Không để trong tủ lạnh hoặc trực tiếp dưới ánh sáng mặt trời.
- Đậy kín nắp để tránh côn trùng, độ ẩm hoặc các vật thể lạ và bảo quản nơi khô ráo và mát mẻ.
- Sử dụng thìa đính kèm, và giữ sạch sẽ riêng biệt khỏi lon sữa.
- Khi mở nắp bên trong, nâng nắp lên trên và kéo.
- Cẩn thận không bị thương khi mở nắp. Nên bỏ nắp trong ngay sau khi mở.

- Tên sản phẩm: Imperial Mom XO GT • Nhóm thực phẩm : Các sản phẩm sữa khác • Khối lượng tịnh: 800 g
- Bảo quản ở nhiệt độ phòng • Hạn sử dụng : xem dưới đáy lon
- Nguyên liệu : Bột Whey (sữa), Dextrin, Hỗn hợp sữa bột tách béo (bột sữa tách béo, bột whey), bột Sữa nguyên chất, Hỗn hợp các loại dầu [dầu đậu nành (đậu nành), dầu cọ olein, dầu hạt cọ, d-tocopherol], Đạm Whey tổng hợp, Nanocalcium, Lactose, Kali phosphate dibasic, Canxi carbonate, Fructo-oligosaccharide, Vitamin Premix ND INF-P/01(vitamin C, dextrin, nicotinic acid amide, vitamin $B_{12}$, canxi pantothenate, vitamin $B_2$, vitamin $B_1$, vitamin $B_6$, axit folic, biotin), Ma-giê hydroxide, Canxi phosphate tribasic, CPP(đạm sữa thủy phân), Kali phosphate monobasic, Canxi phosphate monobasic, Xơ rau riếp xoăn, Natri chloride, Natri citrate, α-lactalbumin, Lecithin(bột lòng đỏ trứng), Lecithin (đậu nành), Glycerin esters của các axit béo, Ferric phosphate, NDA-12(dầu cá ngừ, trứng), Taurine, Choline chloride, L-cystine, L-Theanine, Vitamin Premix ND INF O/01(vitamin E, dầu đậu nành, vitamin A, vitamin $D_3$, β-carotene, vitamin $K_1$), Axit Arachidonic, Kẽm oxide, L-carnitine, Axit 5'-Cytidylic, Disodium 5'-uridylate, Lactoferrin tổng hợp, Axit 5'-Adenylic, Disodium 5'-inosinate, Disodium 5'-guanylate, Axit Folic, Kali iodide.
  Có chứa Sữa, Đậu nành, Trứng, Dầu cá ngừ.
- Nơi đổi trả : Nơi mua hàng • Lon sữa này có thể tái chế được.
- Được sản xuất bởi: Namyang Dairy Products Co., Ltd. (Trụ sở chính) 240 Dosandae-ro Gangnam-gu, Seoul, Hàn Quốc (Nhà máy) 836-11 Janggi-ro, Janggun-myeon, Sejong, Hàn Quốc.

CAN
STEEL
Cap: LDPE
Inner lid: Aluminum
Nitrogen Filling

## Nhà máy GMF tiên tiến (Nhà máy sản xuất tốt) hứa hẹn các sản phẩm chất lượng tốt nhất từ quản lý chất lượng khác biệt

Thông qua hệ thống GMF tiên tiến (Good Manufacturing Factory – Nhà máy sản xuất tốt)
Hạt AA (Advanced Agglomeration), tối đa hóa độ hòa tan.

## Vị ngon của bột sữa nguyên chất

Bột sữa ngon GT được sản xuất từ sữa tươi lấy từ nông trại mang đến vị sữa thật nguyên chất với nhiều dưỡng chất và sử dụng phương pháp đóng gói với khí ni tơ.

## Trong giai đoạn mang thai, tình trạng sức khỏe của mẹ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của em bé, chính vì vậy dinh dưỡng cho mẹ trong thời kì mang thai cũng như nuôi con là rất quan trọng. Dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và đang nuôi con - 「Imperial MOM XO GT」

- Có thể bạn đã biết? 10 tháng đầu đời của một em bé trong bụng mẹ là rất quan trọng. Một tử cung khỏe mạnh sẽ tạo ra những đứa trẻ khỏe mạnh. Có một tâm trí hạnh phúc và dinh dưỡng tốt giúp phát triển bình thường và phát triển của bào thai trong thời kỳ mang thai.
- Sau sinh, sức khoẻ bà mẹ trở nên yếu hơn. Trong khi chăm sóc sau sinh, bạn phải nghỉ ngơi và có đủ dinh dưỡng để phục hồi sức khoẻ một cách nhanh chóng.

「Imperial MOM XO GT」là thức ăn bổ sung giúp bạn cải thiện chất lượng sữa mẹ.

저는 **Tran Thanh Van (짠탄반), 주민등록번호: 079185015770,** 이 베트남어 원본 문서를 한글로 정확히 번역하였음을 서약합니다.

**Tôi Trần Thanh Vân, giấy chứng minh nhân dân số 079185015770 cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Hàn sang tiếng Việt.**

**Ngày** 17 **tháng** 5 **năm 2021**

**번역원/ Người dịch**

**Trần Thanh Vân**

호치민시 1 구 인민위원회에서 저는 ..... 1 구 사법실 부실장입니다.

**Tran Thanh Van (짠탄반)은** 번역문에 서명하였음을 증명합니다.

**Ngày** 17 **tháng** 5 **năm 2021**

**(Bằng chữ: Ngày** mười bảy **tháng** năm **năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt)**

**Tại Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi** Đỗ Thị Thúy Nga **là Phó Trưởng Phòng Tư Pháp Quận 1.**

**Chứng thực**

**Bà Trần Thanh Vân là người đã ký vào bản dịch này.**

**Số chứng thực:** 011757

**Quyển số:** 5**/2021 - SCT/CKND**

**Ngày** 17 **tháng** 5 **năm 2021**

**Phó Trưởng Phòng Tư Pháp Quận 1**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG TƯ PHÁP
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Đỗ Thị Thúy Nga